

Số: **496** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **10** tháng 4 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020**  
**huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BNTMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập bản đồ hiện trạng, quy hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 98/TTr-STNMT ngày 03 tháng 4 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm 2020:







STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)													
			Tổng diện tích	TT. Đất Mìl	Xã Đák Gản	Xã Đák N'Drot	Xã Đák Rla	Xã Đák Sắk	Xã Đák Lao	Xã Đúc Mạnh	Xã Đúc Minh	Xã Long Sơn	Xã Thuận An			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)			
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	39,34	0,52	2,03	1,80	1,96	11,59	0,50	6,09	11,22			3,63		
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	82,93	2,25	7,23	6,84	6,02	9,21	9,52	10,96	13,22	5,97	11,71			
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	35,42			2,65	13,05		8,08	3,59		8,04				
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,57	0,72	0,42	0,98	0,39	0,92	0,43	0,84	0,26	0,19	0,41			
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV														
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN														
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	760,76		111,39	23,00	122,27	27,45	244,53	62,99	32,76	39,12	97,23			
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MN C														
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK														
3	Đất chưa sử dụng	CSD	181,15			14,49	24,65		129,09		1,27			11,65		
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN														
5	Đất khu kinh tế*	KKT														
6	Đất đô thị*	KDT														
<b>Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.</b>																

## 2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)										
			Tổng diện tích	TT. Đăk Mít	Xã Đăk Gản	Xã Đăk N'Drot	Xã Đăk Rla	Xã Đăk Săk	Xã Đăk Lao	Xã Đăk Mạnh	Xã Đăk Minh	Xã Long Sơn	Xã Thuận An
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
<b>I</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>139,78</b>	<b>6,00</b>	<b>19,00</b>	<b>2,20</b>	<b>19,00</b>	<b>1,45</b>	<b>30,57</b>	<b>7,42</b>	<b>1,75</b>	<b>37,55</b>	<b>14,84</b>
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	18,25	1,10	3,40	0,20	2,10	0,10	0,10	0,20	0,30	9,25	1,50
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	121,53	4,90	15,60	2,00	16,90	1,35	30,47	7,22	1,45	28,30	13,34
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>												
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở</b>	<b>PKO/OCT</b>	<b>0,67</b>	<b>0,64</b>						<b>0,04</b>			

## 3. Kế hoạch thu hồi đất năm 2020:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)										Tổng diện tích
			TT. Đấ Mi	Xã Đấ Gầ	Xã Đấ N'Drot	Xã Đấ Rla	Xã Đấ Sắ	Xã Đấ Lao	Xã Đấ Mạ	Xã Đấ Mìn	Xã Đấ Lôn	Xã Đấ Thượn	
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	$(4)=(5)+\dots+(14)$
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>3,30</b>	<b>18,30</b>	<b>1,60</b>	<b>18,50</b>	<b>0,95</b>	<b>30,07</b>	<b>6,62</b>	<b>0,25</b>	<b>37,15</b>	<b>12,20</b>	<b>128,94</b>
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK		3,30		2,00					9,15	1,00	15,45
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3,30	15,00	1,60	16,50	0,95	30,07	6,62	0,25	28,00	11,20	113,49
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>										<b>0,15</b>	<b>0,15</b>
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC											0,15

## 4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2020:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)										Tổng diện tích	
			TT. Đấ Mi	Xã Đấ Gầ	Xã Đấ N'Drot	Xã Đấ Sắ	Xã Đấ Lao	Xã Đấ Mạ	Xã Đấ Mìn	Xã Đấ Lôn	Xã Đấ Thượn	Huyện quản lý		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$(4)=(5)+\dots+(15)$
<b>A</b>	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>													
<b>I</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>			<b>5,00</b>	<b>10,00</b>		<b>20,00</b>						<b>35,00</b>
1	Đất rừng sản xuất	RSX			5,00	10,00		20,00						35,00

**Điều 2.** Căn cứ Điều 1 Quyết định này, UBND huyện Đắk Mil có trách nhiệm:

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.
- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.
- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai, ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất; kiên quyết không giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất đối với những trường hợp không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
- Định kỳ hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.
- UBND huyện Đắk Mil chịu trách nhiệm về sự phù hợp của vị trí các công trình, dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2020 so với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện được duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND huyện Đắk Mil và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *mv*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy Đắk Mil;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, CTTĐT, KTN(Tha).

8

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trương Thanh Tùng**